

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-PT

Ngày: 29-01-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang;

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Vỹ

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05A/2024/QĐ-PT ngày 16-01-2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ông Ngọc K, sinh năm 1968 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số G đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985 (có mặt). Địa chỉ: E Khu đô thị C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Minh H1, sinh năm 1985 (có mặt). Địa chỉ: E Khu đô thị C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

4. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2022; đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi

kiện ngày 17/7/2023 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim P, ông Ô Ngọc K trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị Kim H là chị em trong gia đình. Do khó khăn nên đã nhiều lần vợ chồng bà P, ông K cho bà H vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 31/7/2015, bà H có viết giấy vay tiền xác nhận vay của vợ chồng ông K số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Tuy nhiên, số tiền này là do bà H vay của vợ chồng ông K nhiều lần trước đó (từ khoảng năm 2010 đến năm 2013). Khi vay thì vợ chồng ông K đưa tiền trực tiếp cho bà H và không viết giấy vay. Đến ngày 31/7/2015, bà H mới viết giấy vay tiền xác nhận tổng số tiền vay là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), trong giấy vay tiền này không thể hiện về lãi suất nhưng thực tế các bên có thỏa thuận miệng là 1%/tháng; thời hạn vay không xác định mà chỉ thỏa thuận khi vợ chồng ông K cần thì báo trước 3 tháng. Bà H có trả lãi đầy đủ đến giữa năm 2016, từ đó đến nay thì không trả thêm khoản tiền lãi nào nữa. Về số nợ gốc thì bà H chưa thanh toán.

- Ngày 19/10/2015, bà H và chồng là ông Lê Minh H1 tiếp tục vay của vợ chồng ông K 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Trong giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là 5 tháng (trường hợp trước 5 tháng mà vợ chồng ông K cần gấp thì phải báo trước 2 tháng) và không thỏa thuận về lãi suất nhưng trên thực tế thì các bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm. Tuy nhiên, lúc này bà H đã kết hôn nên vợ chồng ông K yêu cầu cả chồng bà H cũng phải xác nhận vào giấy vay tiền. Vợ chồng bà H đã trả cho vợ chồng ông K được 1 năm tiền lãi, sau đó thì không thanh toán nữa. Do vợ chồng ông K đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nên đến ngày 14/02/2018, bà H mới trả được cho vợ chồng ông K 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

Đến ngày 24/7/2020, vợ chồng ông K có làm thông báo đòi nợ yêu cầu vợ chồng bà H phải thanh toán nợ và gửi bằng thư bảo đảm nhưng thư bị hoàn về.

Nay vợ chồng ông K khởi kiện và yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông K, bà P số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) theo giấy vay tiền ngày 31/7/2015 và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 29/7/2020 đến thời điểm xét xử với mức lãi suất 10%/năm, tạm tính là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tại phiên tòa, vợ chồng ông K thay đổi thời gian tính lãi đối với khoản vay theo giấy vay tiền ngày 31/7/2015, cụ thể: buộc bà H phải thanh toán tiền lãi suất phát sinh từ ngày 29/10/2020 đến thời điểm xét xử.

- Yêu cầu ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông K, bà P số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 19/10/2015 và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 15/02/2018 cho đến thời điểm xét xử với mức lãi suất 10%/năm, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện làm tròn thành 5 năm là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Theo bản tự khai ngày 05/7/2022; biên bản lấy lời khai các ngày 07/7/2022,

ngày 26/9/2022, ngày 17/5/2023 và các lần làm việc tại Tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Đối với khoản vay ngày 31/7/2015: Bà H xác định bà H vay nhiều lần của vợ chồng ông K, do số tiền nhỏ và bà H cũng trả đúng hạn nên các bên không lập giấy tờ vay. Đến khi số tiền cộng lại thành 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) thì các bên mới lập giấy vay tiền ngày 31/7/2015. Đối với các khoản vay này thì các bên không có thỏa thuận lãi suất và thực tế vợ chồng ông K cũng không lấy lãi. Bà H không nhớ được khoảng thời gian mà bà H bắt đầu vay những khoản tiền để cộng gộp lại thành 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Đối với khoản vay này là trách nhiệm trả nợ là của hai vợ chồng bà H vì lúc đó bà H vay để mua xe oto vào tháng 9/2014 (đã bán vào năm 2018) và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thị trấn P, huyện T vào tháng 7/2015. Nay bà H xác nhận số tiền nợ gốc vợ chồng bà H còn nợ lại là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Về tiền lãi suất của khoản vay này thì vợ chồng bà H chỉ đồng ý trả tiền lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 23/6/2022 vì vợ chồng bà H không nhận được thông báo đòi nợ của vợ chồng ông K.

Đối với khoản vay ngày 19/10/2015: Ngày 19/10/2015, vợ chồng bà H có vay tiếp của vợ chồng ông K 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Trong giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là 5 tháng (trường hợp trước 5 tháng mà vợ chồng ông K cần gấp thì phải báo trước 2 tháng) và không thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 14/02/2018, vợ chồng bà H đã trả được cho vợ chồng ông K 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Vợ chồng bà H xác nhận còn nợ của ông K, bà P số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 15/02/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức 10%/năm. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi 02 con nhỏ nên bà H đề nghị được trả nợ trong nhiều lần.

Tại bản tự khai ngày 16/02/2023; biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2023 và quá trình làm việc tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Minh H1 trình bày:

Khoản vay ngày 31/7/2015 là do bà H đã nhiều lần vay tiền trước đó và đến ngày 31/7/2015 mới cộng lại thành số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Thời điểm vay tiền thì ông H1 và bà H đã kết hôn với nhau (vợ chồng ông H1 có tổ chức đám cưới vào ngày 08/12/2013 và đến tháng 6/2014 mới đăng ký kết hôn) nên ông H1 có biết việc bà H vay tiền. Số tiền mà bà H đã vay thì vợ chồng ông cùng sử dụng để kinh doanh; dùng vào việc mua xe ô tô cũng như mua đất ở T. Hiện nay, bà H phải ở nhà nuôi con nhỏ, không có làm ăn kinh doanh được nên ông H1 là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, ông H1 xác định trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông K là của 2 vợ chồng H1.

Đối với khoản vay ngày 19/10/2015 thì ông H1 đồng ý với ý kiến trình bày của bà H và yêu cầu của vợ chồng ông K.

Tuy nhiên, ông H1 xin được trả trong nhiều lần vì hiện nay gia đình đang khó khăn và vợ chồng cũng đã thanh lý xe ô tô tải cũng như một số tài sản khác để lấy tiền trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 23/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố V đã căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngọc K, bà Nguyễn Thị Kim P, buộc bà Nguyễn Thị Kim H, ông Lê Minh H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngọc K, bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 1.431.667.000đ, trong đó gồm: 1.000.000.000đ tiền nợ gốc; 281.667.000đ tiền lãi suất theo giấy vay tiền ngày 31/7/2015 và 100.000.000đ tiền nợ gốc; 50.000.000đ tiền lãi suất theo giấy vay tiền ngày 19/10/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo.

Ngày 30-8-2023, Tòa án nhân dân thành phố V nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về thời gian tính lãi suất của khoản vay theo Giấy vay tiền ngày 31/7/2015 theo hướng chấp nhận việc trả tiền lãi suất tính từ ngày 23/6/2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự gồm vợ chồng ông Ông Ngọc K, bà Nguyễn Thị Kim P và vợ chồng ông Lê Minh H1 bà Nguyễn Thị Kim H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

1. Vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P và vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H thống nhất xác nhận: Vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H còn nợ vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P theo Giấy vay tiền ngày 31/7/2015 và Giấy vay tiền ngày 19/10/2015 tổng cộng là 1.431.667.000đ, trong đó nợ gốc là 1.100.000.000đ và nợ lãi là 331.667.000đ theo Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 23-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V.

2. Vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H 100.000.000đ, do đó vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả nợ số nợ còn lại là 1.331.667.000đ cho vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P.

3. Phương thức trả nợ:

Vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, mỗi tháng vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả 11.097.225đ tiền lãi của số nợ 1.331.667.000đ cho vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P vào số tài khoản 9927517979 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N của bà Ông Ngọc Hương G (bà Ông Ngọc Hương G là con đẻ của vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P).

Nếu vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền lãi theo nội dung thỏa thuận nêu trên thì vợ chồng ông Ông Ngọc

K bà Nguyễn Thị Kim P được quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, và kể từ ngày vợ chồng ông Ông Ngọc K bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất được quy định tại Khoản 2, **Điều 468** Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho vợ chồng ông Ông Ngọc K bà Nguyễn Thị Kim P.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 51.950.010đ.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Ý kiến của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông K bà P và vợ chồng ông H1 bà H đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V như sau:

[1]. Vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P và vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H thống nhất xác nhận: Vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H còn nợ vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P theo Giấy vay tiền ngày 31/7/2015 và Giấy vay tiền ngày 19/10/2015 tổng cộng là 1.431.667.000đ (Một tỷ, bốn trăm ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) và nợ lãi là 331.667.000đ (Ba trăm ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) theo Bản án dân sự sơ thẩm số 99/2023/DS-ST ngày 23-8-2023 của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2]. Vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P đồng ý hỗ trợ cho vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), do đó vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả nợ số nợ còn lại là 1.331.667.000đ (Một tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) cho vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P.

[3]. Phương thức trả nợ:

Vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, mỗi tháng vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm trả 11.097.225đ (Mười một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng) tiền lãi của số nợ 1.331.667.000đ (Một tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) cho vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P vào số tài khoản 9927517979 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N của bà Ông Ngọc Hương G (bà Ông Ngọc Hương G là con đẻ của vợ chồng ông Ông Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P).

Nếu vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền lãi theo nội dung thỏa thuận nêu trên thì vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P được quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, và kể từ ngày vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng ông Lê Minh H1, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất được quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho vợ chồng ông ÔNG Ngọc K và bà Nguyễn Thị Kim P.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 51.950.010đ (Năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi ngàn, không trăm mười đồng).

Vợ chồng ông Ông Ngọc K1 và bà Nguyễn Thị Kim P được hoàn trả lại 36.500.000đ (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001942 ngày 21-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

[4.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án

phí bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001206 ngày 31-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, như vậy bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29-01-2024).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tâm

Cao Minh Vỹ

Nguyễn Thị Quang

